

# MARKET LENS

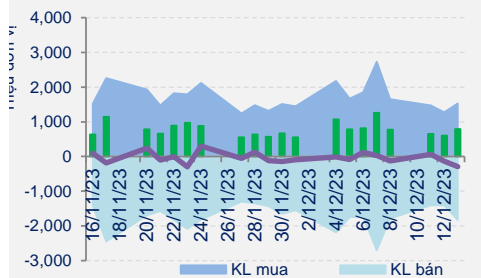
13/12/2023

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

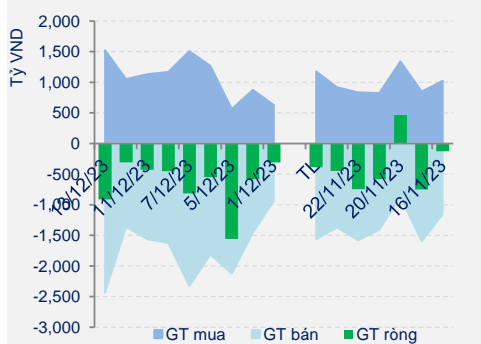
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,114.20	228.42
% Thay đổi	↓ -1.19%	↓ -1.42%
KLGD (CP)	794,341,867	117,055,257
GTGD (tỷ đồng)	18,414.97	2,300.41
Tổng cung (CP)	1,826,403,612	176,689,100
Tổng cầu (CP)	1,531,424,255	142,581,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	74,761,575	7,827,119
KL mua (CP)	42,531,353	9,081,507
GT mua (tỷ đồng)	1,526.70	210.13
GT bán (tỷ đồng)	2,438.28	148.57
GT ròng (tỷ đồng)	(911.58)	61.56

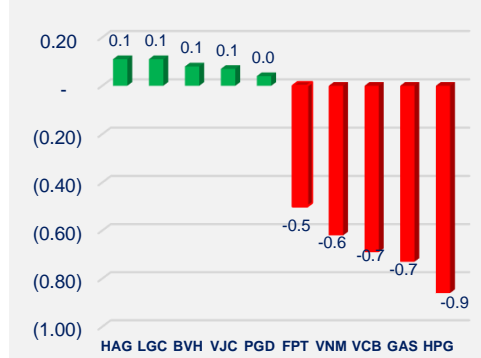
### Tương quan cung cầu HOSE



### Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



### Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên giao dịch với thanh khoản suy giảm khá mạnh, VN-INDEX đầu phiên hôm nay tăng điểm lên mức 1.131 điểm, quanh vùng giá cao nhất tháng 11/2023 trong đầu phiên sáng và chịu áp lực bán gia tăng, áp lực bán gia tăng mạnh hơn, thanh khoản gia tăng kém tích cực khi VN-INDEX một lần nữa không giữ được vùng giá trung bình MA200 phiên. Kết phiên VN-INDEX giảm 13.43 điểm (-1,19%) về mức 1.114,20 điểm. HNX-INDEX giảm 3,29 điểm (-1,42%) về 228,42 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết tiêu cực, áp lực bán áp đảo khi có 561 mã giảm giá (07 mã giảm sàn), 139 mã tăng giá (11 mã tăng trần) và 133 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 20.709,38 tỉ đồng được giao dịch, tăng mạnh 33,75% so với phiên trước, vượt mức trung bình thể hiện áp lực bán khá mạnh ở nhiều mã, nhóm mã. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục xu hướng bán ròng mạnh với giá trị bán ròng gia tăng lên 911,58 tỷ đồng trên HOSE trong phiên hôm nay, mở rộng bán ròng, tập trung ở các cổ phiếu ngân hàng, thép, bất động sản; duy trì mua ròng trên HNX với giá trị 61,56 tỷ đồng, tập trung nhiều ở cổ phiếu IDC.

Thị trường đón nhận thông tin ngày 12/12/2023, Bộ Lao động Mỹ công bố báo cáo chỉ số giá tiêu dùng. CPI tháng 11 của Mỹ đã tăng 0,1% và tăng 3,1% so với cùng kỳ năm ngoái. CPI lõi, loại trừ giá thực phẩm và năng lượng dễ biến động, đã tăng 0,3% trong tháng 11 và 4% so với tháng 11/2022. Cả hai kết quả này đều trùng với dự đoán và cũng ít thay đổi so với tháng 10. Báo cáo CPI được công bố ngay khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) bắt đầu cuộc họp chính sách kéo dài hai ngày 12-13/12/2023. Thị trường nhận định cơ quan này sẽ giữ lãi suất ổn định lần thứ ba liên tiếp.

Thị trường phản ứng nhẹ với thông tin trên trong đầu phiên và áp lực bán gia tăng mạnh hơn khi hầu hết các nhóm ngành đều chịu áp lực điều chỉnh. Nhóm cổ phiếu dầu khí chịu áp lực bán khá mạnh với diễn biến giá dầu suy giảm trong thời gian qua, đa số bị bán mạnh, thanh khoản gia tăng kém tích cực như PVS (-3,81%), PVB (-3,70%), PVD (-3,68%), PVC (-3,18%), PVT (-3,18%)...

Các cổ phiếu nhóm bất động sản cũng chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh, thanh khoản ở mức trung bình với NVL (-3,95%), CEO (-3,36%), NHA (-3,12%), NDN (-3,00%)..., các cổ phiếu khu công nghiệp cũng có diễn biến tương tự, thanh khoản vượt mức trung bình với DTD (-4,65%), TIP (-3,73%), VGC (-2,88%), VGC (-2,88%)...

Nhóm cổ phiếu thủy sản sau nhịp tăng giá tốt cũng chịu áp lực bán mạnh, thanh khoản gia tăng như IDI (-3,66%), ANV (-3,28%), CMX (-3,11%), ASM (-2,90%)...

Trong khi đó các cổ phiếu nhóm ngân hàng phân hóa, tiếp tục có diễn biến kém tích cực, đa số điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình với TPB (-2,02%), STB (-1,96%), NVB (-1,87%), OCB (-1,80%)... ngoài các mã tăng giá nhẹ như ABB (+1,30%), BVB (+0,95%), HDB (+0,27%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2312 giảm 11,8 điểm (-1,05%), chênh lệch dương trở lại 0,17 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng 15,12% so với phiên trước, dưới mức trung bình. Khối lượng mở OI bắt đầu xu hướng giảm khi thị trường dần đến thời điểm đảo hàng, cho thấy các vị thế đầu cơ trong phiên gia tăng. Xu hướng ngắn hạn VN30F2312 tích lũy kém tích cực hơn dưới vùng kháng cự quanh 1.115 điểm, vùng hỗ trợ quanh 1.110 tương ứng đường trung bình MA20. Các kỳ hạn VN30F2401, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ 0,171 điểm đến -3,83 điểm, các mức chênh lệch thu hẹp mạnh, cho thấy các trader vẫn vẫn chưa lạc quan với VN30, nghiêng về VN30 sẽ phục hồi trong phiên tiếp theo, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở kỳ hạn lớn.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**


Thị trường bất ngờ điều chỉnh giảm nhưng vẫn vận động trong nền tăng ngắn hạn khá chặt chẽ. Chốt phiên thị trường giảm -13,43 điểm (-01,19%) và đóng cửa ở 1.114,20 điểm và tiếp tục quá trình vận động tích lũy, mặc dù phiên hôm nay thị trường điều chỉnh nhưng trạng thái vận động của thị trường không có nhiều thay đổi. Trong ngắn hạn Vn-Index vẫn đang giao dịch phía trên vùng 1.100 điểm và kỳ vọng về kịch bản hồi phục kỹ thuật với mục tiêu là ngưỡng cản quanh 1.150 điểm vẫn có thể xảy ra. Tuy nhiên cũng không loại trừ khả năng thị trường vận động trong khu vực tích lũy trung hạn kỳ vọng 1.100 điểm - 1.150 điểm bởi nền tích lũy đang dần kéo dài.

Xu hướng trung hạn của thị trường vẫn tiếp tục duy trì đi tìm điểm cân bằng mới sau giai đoạn giảm sâu và quá trình này dự báo sẽ cần nhiều thời gian. Chúng tôi kỳ vọng trong trường hợp tích cực Vn-Index có thể vượt qua cản ngắn hạn 1.150 điểm để hình thành vùng tích lũy cao trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm, trong trường hợp kém khả quan hơn thì khả năng cao vùng tích lũy trung hạn sẽ là 1.100 điểm - 1.150 điểm.

Nhịp hồi phục tiếp theo của thị trường có thể sẽ hình thành khi thị trường đang dần tích lũy chặt chẽ ngắn hạn. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn cơ hội giải ngân vẫn xuất hiện nếu Vn-Index có phiên bùng nổ tiếp theo, tuy nhiên giai đoạn này nhà đầu tư ngắn hạn không nên giải ngân tỷ trọng lớn và không nên mua đuổi. Với nhà đầu tư trung, dài hạn thì thị trường vẫn đã được xác nhận là qua đáy downtrend tại 950 điểm mặc dù hiện tại xu hướng uptrend kết thúc nhưng khả năng cao thị trường sẽ đi vào vùng tích lũy lại do đó nhà đầu tư dài hạn không cần quá lo ngại, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

13/12/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
BFC	25.05	21-22	26-27	18	11.2	18.5%	1227.6%	Theo dõi giải ngân
PET	27.00	24.5-25.5	31-32	23	36.7	-6.6%	-20.7%	Theo dõi giải ngân
CSV	40.40	37-38	44-46	35	8.8	-29.0%	-52.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	33.60	31-33	38-39	29	8.4	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
KBC	31.45	30.5-31.2	34-35	29	16.6	21.6%	-99.3%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.1	22.3	28-28.5	25	12.6%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	24.6	18.6	28-29	24	32.3%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	25.7	24.45	30-31	25.5	4.9%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	47.4	45.1	52-53	47	5.1%	Nắm giữ
22/11/2023	LSS	11.2	11.4	15-16	11	-1.8%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ****CPI tháng 11 của Mỹ tăng 3,1%, khớp với dự báo**

Trong tháng 11, chỉ số CPI của Mỹ tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước - kết quả thấp nhất kể từ tháng 6 và phù hợp với dự báo trước đó. Tuy nhiên, giá nhà ở, yếu tố cấu thành 1/3 chỉ số CPI, đã tăng 0,4% so với tháng trước. Báo cáo do Bộ Lao động Mỹ mới công bố cho thấy chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11 tăng 3,1% so với cùng kỳ năm ngoái. So với tháng 10, CPI nhích 0,1%. Các nhà kinh tế được Dow Jones khảo sát kỳ vọng CPI sẽ đi lên 3,1% so với cùng kỳ và không đổi so với tháng liền trước. Báo cáo cho thấy giá nhà ở đi lên 0,4% so với tháng trước và 6,5% so với cùng kỳ. Đây là yếu tố chính khiến cho CPI lõi bật tăng trong tháng 11.

**Xuất khẩu lúa gạo tiếp tục khả quan trong nửa đầu năm 2024**

Nhu cầu tăng nhập khẩu gạo từ các đối tác chủ chốt sẽ giúp Việt Nam có thêm đơn hàng xuất khẩu gạo trong nửa đầu năm 2024. Chia sẻ tại Hội thảo "Thị trường lúa gạo toàn cầu và xu hướng thời gian tới" tổ chức ngày 13/12/2023 tại Hậu Giang, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trần Thanh Nam nhận định, thị trường lúa gạo trong nước và quốc tế thời gian tới tiếp tục sôi động do nhu cầu nhập khẩu gạo lớn từ một số quốc gia như Trung Quốc, Indonesia, Philippines, các nước Trung đông và châu Phi. Tuy nhiên, việc tăng sản lượng gạo xuất khẩu sẽ có tác động đến lượng gạo dự trữ tại các nước xuất khẩu. Giá gạo xuất khẩu tăng dẫn đến giá lúa nguyên liệu tăng theo và phần nào ảnh hưởng đến giá cả của gạo tại thị trường trong nước.

**ADB nâng dự báo tăng trưởng của kinh tế châu Á, Việt Nam còn 5,2%**

ADB dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm nay đã giảm xuống còn 5,2% so với dự báo trước đó là 5,8% trong khi tăng trưởng trong năm 2024 được dự báo duy trì ở mức 6,0%. Ngày 13/12, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đã công bố báo cáo Triển vọng Phát triển châu Á (ADO) với việc nâng dự báo đối với các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á và Thái Bình Dương, sau khi cầu nội địa mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng cao hơn dự kiến tại Trung Quốc và Ấn Độ. Bên cạnh đó, ADB cũng đưa ra dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm nay đã giảm do sự phục hồi yếu hơn dự kiến của nhu cầu bên ngoài.

**Đưa vào khai thác hai dự án quốc lộ 1 hơn 3.400 tỷ đồng qua các tỉnh Tây Nam Bộ**

Dự án tuyến tránh quốc lộ 1 qua địa bàn thành phố Cà Mau (tỉnh Cà Mau) có chiều dài 14 km, và dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 1 đoạn từ thị xã Ngã Bảy (tỉnh Hậu Giang) đến huyện Châu Thành (tỉnh Sóc Trăng) dài 20 km, với tổng kinh phí hơn 3.400 tỷ đồng đã hoàn thành và đưa vào khai thác... Dự án có chiều dài hơn 14 km, có điểm đầu giao với quốc lộ 1 tại Km 2239+770 thuộc phường 6, TP. Cà Mau và điểm cuối giao với quốc lộ 1 tại Km 2253+347,9 thuộc xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước.

**TIN DOANH NGHIỆP**

**Cen Land (CRE) gia hạn thêm 13 tháng gói trái phiếu phát hành cho Chứng khoán VNDirect (VND)**

CTCP Bất động sản Thế Kỷ (Cen Land, mã CRE – sàn HOSE) thông qua kéo dài thời gian đáo hạn trái phiếu mệnh giá 450 tỷ đồng, đồng thời nâng lãi suất lô trái phiếu trong thời gian gia hạn. Ngày 11/12, Cen Land thông qua Nghị quyết về việc gia hạn trái phiếu mã CRE202001 từ ngày đáo hạn 31/12/2023 đến 31/1/2025 (13 tháng), lãi suất trong thời gian gia hạn là 12%/năm. Trong đó, tại ngày đáo hạn cũ là 31/12/2023, Cen Land sẽ thanh toán đầy đủ cho trái chủ lãi phải trả của trái phiếu tại ngày đến hạn, đồng thời thanh toán 20% tiền gốc trái phiếu cho trái chủ tại ngày đến hạn.

**BCG ENERGY chi 2,500 tỷ mua lại trước hạn 2 lô trái phiếu**

Công ty Cổ phần BCG Energy – công ty thành viên của Tập đoàn Bamboo Capital - công bố thông tin về việc mua lại toàn bộ 2 lô trái phiếu mang mã EBCCH2124002 và EBCCH2124003 có tổng giá trị 2,500 tỷ đồng, ngày mua lại là ngày 15/12/2023. Lô trái phiếu EBCCH2124002 giá trị 1,000 tỷ đồng được phát hành ngày 26/4/2021, đáo hạn ngày 26/4/2024. Trong giai đoạn lãi suất tăng cao hồi 2022, BCG Energy đã điều chỉnh mức lãi suất cho lô trái phiếu này là 14%/năm cho kỳ tính lãi ngày 26/10/2022 đến ngày 26/4/2023. Các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ trở về mức cố định 10%/năm.

**Chứng khoán Agribank điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2023**

CTCP Chứng khoán Agribank (Agriseco, HOSE: AGR) vừa công bố nghị quyết HĐQT về việc điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 28/04. Theo đó, Agriseco điều chỉnh giảm chỉ tiêu doanh thu và chi phí năm 2023, giữ nguyên chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế (182 tỷ đồng) và cổ tức dự kiến (6%). Cụ thể, tổng doanh thu kế hoạch 2023 được điều chỉnh giảm xuống còn 360 tỷ đồng, tức giảm hơn 18% so với mức 440 tỷ đồng đã được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua; tương tự, chi phí kế hoạch giảm từ mức 258 tỷ đồng xuống còn 178 tỷ đồng, tương ứng giảm 31%.

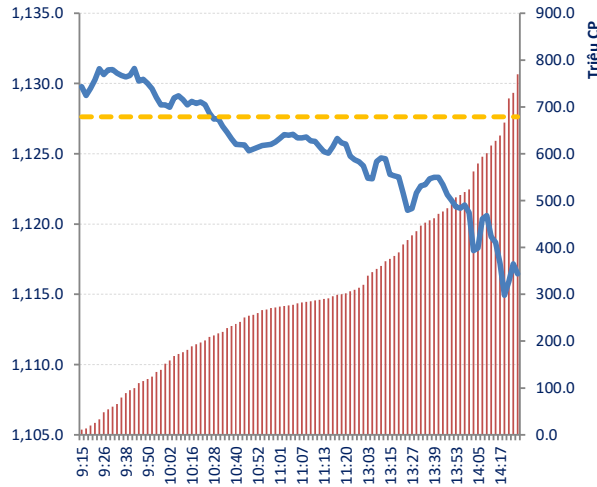
**Hoàn tất ESOP chưa lâu, M10 sắp chi gần 32 tỷ đồng tạm ứng cổ tức đợt 1/2023**

M10 sắp chi 32 tỷ đồng để tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 cho cổ đông, không lâu sau khi hoàn tất đợt phát hành hơn 1.5 triệu cp ESOP. Ngày đăng ký cuối cùng là 29/12/2023, thời gian trả 26/01/2024. Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền là 10% (tương đương 1 cổ phiếu nhận 1,000 đồng). Với gần 32 triệu cp đang lưu hành, M10 cần chi ra gần 32 tỷ đồng cho đợt trả cổ tức này. Về tình hình kinh doanh, M10 là một trong những điểm sáng hiếm hoi trong bức tranh lợi nhuận của các doanh nghiệp dệt may 9 tháng đầu năm.

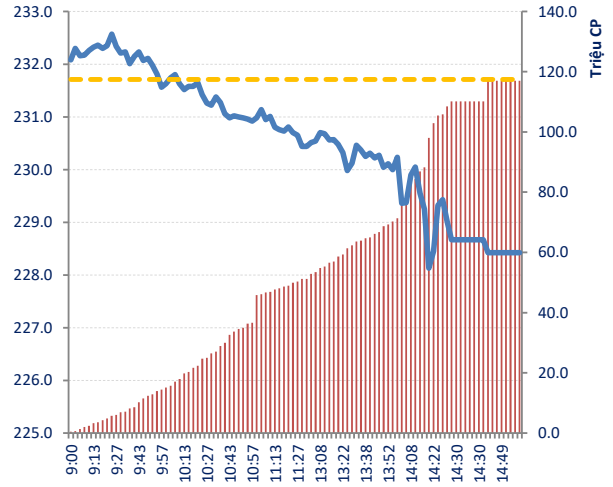


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

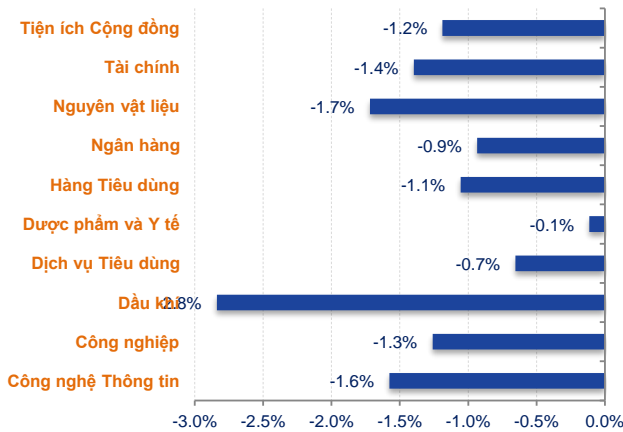
KLGD và VN-Index trong phiên



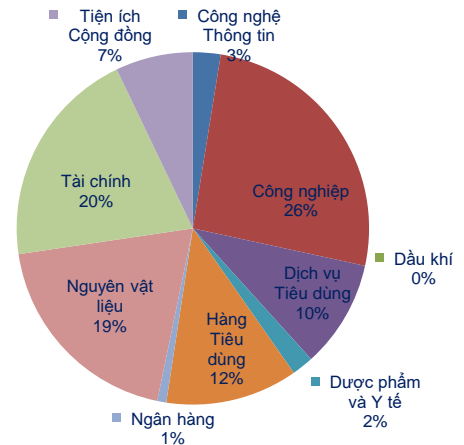
KLGD và HNX-Index trong phiên



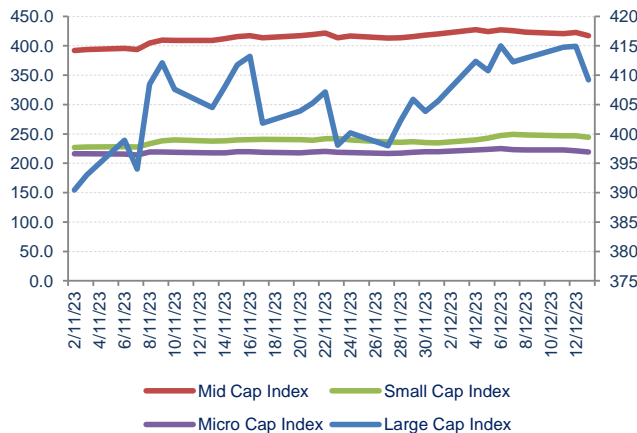
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



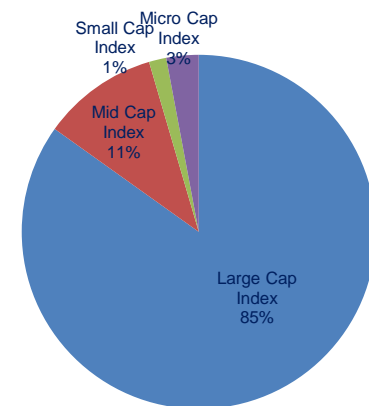
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCB	373,520	FUEVFVND	4,468,065	1	IDC	1,505,372	PVS	452,600
2	BCM	326,100	STB	2,951,600	2	LAS	273,000	DHT	45,400
3	VHC	315,800	SHB	2,375,818	3	CTP	30,000	HUT	19,600
4	HDG	263,800	VPB	2,347,800	4	AAV	9,950	TA9	14,100
5	VJC	175,770	HPG	2,336,677	5	TNG	9,900	NVB	14,000

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	27.95	27.35	↓ -2.15%	33,557,700	SHS	18.60	18.20	↓ -2.15%	20,500,628
VIX	17.10	16.60	↓ -2.92%	29,221,900	CEO	23.80	23.00	↓ -3.36%	16,126,308
HAG	13.10	13.55	↑ 3.44%	27,661,300	HUT	20.90	20.60	↓ -1.44%	9,855,578
EIB	19.00	19.00	→ 0.00%	26,911,740	PVS	39.40	37.90	↓ -3.81%	9,682,493
DXG	19.45	19.10	↓ -1.80%	24,712,000	EVS	8.60	8.50	↓ -1.16%	8,498,580

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KPF	5.47	5.85	0.38	↑ 6.95%	VE8	5.10	5.60	0.50	↑ 9.80%
DXV	4.13	4.41	0.28	↑ 6.78%	DTG	19.80	21.70	1.90	↑ 9.60%
TPC	5.56	5.88	0.32	↑ 5.76%	MKV	9.40	10.30	0.90	↑ 9.57%
FUEIP100	8.01	8.45	0.44	↑ 5.49%	LBE	14.80	16.20	1.40	↑ 9.46%
OPC	23.00	24.00	1.00	↑ 4.35%	TTL	7.40	8.10	0.70	↑ 9.46%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
COM	32.45	30.20	-2.25	↓ -6.93%	SGD	14.10	12.70	-1.40	↓ -9.93%
NHH	19.90	18.55	-1.35	↓ -6.78%	PTI	49.80	44.90	-4.90	↓ -9.84%
CCI	22.90	21.50	-1.40	↓ -6.11%	SDU	23.70	21.40	-2.30	↓ -9.70%
ADP	19.30	18.15	-1.15	↓ -5.96%	VCM	15.00	13.60	-1.40	↓ -9.33%
LEC	6.49	6.11	-0.38	↓ -5.86%	KHS	10.80	9.80	-1.00	↓ -9.26%

(\*) Giá điều chỉnh



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	33,557,700	1.9%	322	86.9	1.6
VIX	29,221,900	8.2%	1,005	17.0	1.3
HAG	27,661,300	18.6%	1,070	12.2	2.3
EIB	26,911,740	8.3%	1,013	18.7	1.5
DXG	24,712,000	-2.0%	(456)	-	0.8

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	20,500,628	5.4%	643	28.9	1.5
CEO	16,126,308	6.7%	955	24.9	1.9
HUT	9,855,578	0.8%	122	171.7	1.7
PVS	9,682,493	6.7%	1,846	21.3	1.4
EVS	8,498,580	5.9%	688	12.5	0.7

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KPF	↑ 6.9%	9.2%	1,175	4.7	0.4
DXV	↑ 6.8%	-2.0%	(226)	-	0.4
TPC	↑ 5.8%	-14.9%	(2,036)	-	0.4
FUEIP100	↑ 5.5%	N/A	N/A	N/A	N/A
OPC	↑ 4.3%	15.8%	2,096	11.0	1.7

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VE8	↑ 9.8%	-57.7%	(3,587)	-	1.1
DTG	↑ 9.6%	14.3%	2,500	7.9	1.0
MKV	↑ 9.6%	8.0%	1,205	7.8	0.6
LBE	↑ 9.5%	7.1%	815	18.2	1.3
TTL	↑ 9.5%	2.1%	307	24.1	0.5

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	373,520	22.6%	6,013	14.0	3.0
BCM	326,100	2.5%	432	149.2	3.7
VHC	315,800	12.9%	5,654	13.5	1.7
HDG	263,800	9.7%	2,194	12.9	1.2
VJC	175,770	-14.0%	(3,851)	-	3.7

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	1,505,372	17.0%	3,177	16.2	3.0
LAS	273,000	8.5%	1,018	14.7	1.2
CTP	30,000	0.4%	46	100.4	0.4
AAV	9,950	-2.2%	(260)	-	0.4
TNG	9,900	13.4%	1,776	11.2	1.3

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	470,601	22.6%	6,013	14.0	3.0
BID	238,848	17.6%	3,450	12.1	2.0
GAS	179,605	19.0%	5,283	14.8	2.9
VHM	178,747	25.0%	9,468	4.3	1.0
VIC	168,767	2.7%	977	45.3	1.1

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,832	6.7%	1,846	21.3	1.4
HUT	18,654	0.8%	122	171.7	1.7
IDC	16,995	17.0%	3,177	16.2	3.0
SHS	15,125	5.4%	643	28.9	1.5
THD	13,552	2.9%	460	76.6	2.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	2.65	-0.2%	(32)	-	0.7
CTS	2.61	7.9%	1,020	26.9	2.0
GEX	2.59	2.0%	511	45.3	0.9
VIX	2.57	8.2%	1,005	17.0	1.3
FTS	2.50	14.4%	2,301	18.5	2.5

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

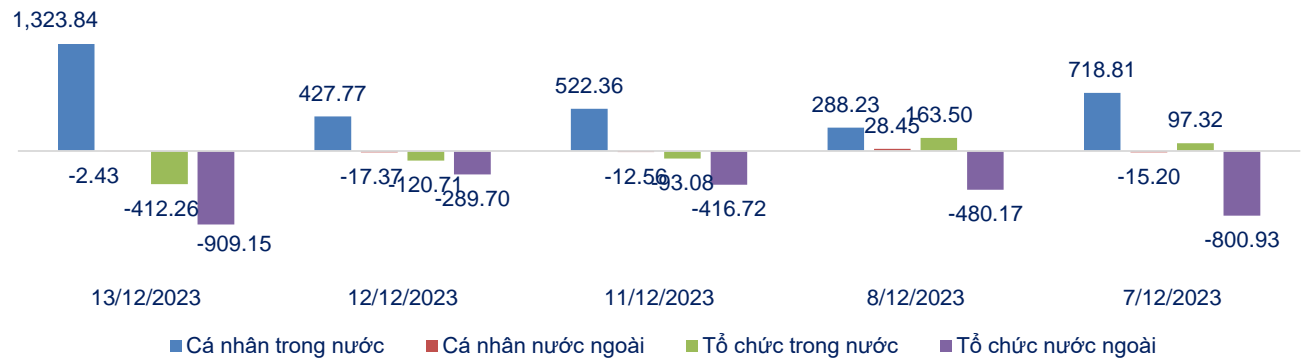
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.90	6.2%	620	25.6	1.5
SHS	2.41	5.4%	643	28.9	1.5
IVS	2.30	3.4%	362	28.5	0.9
VIG	2.27	6.8%	501	16.0	1.1
HUT	2.16	0.8%	122	171.7	1.7





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
OPC	266.50	15.8%	2,096	11.0	1.7
VNM	126.63	24.4%	4,029	17.2	4.3
STB	120.90	17.5%	3,825	7.3	1.2
VPB	71.02	9.7%	1,492	13.0	1.1
MWG	63.14	3.0%	476	89.3	2.7

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHC	-23.07	12.9%	5,654	13.5	1.7
VJC	-19.02	-14.0%	(3,851)	-	3.7
HAH	-17.60	16.3%	4,525	8.0	1.2
NHH	-12.28	7.2%	1,302	15.3	1.1
ACB	-11.46	23.8%	3,839	5.9	1.3

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	3.53	3.0%	476	89.3	2.7
SSI	1.82	8.9%	1,346	24.2	2.2
FRT	0.96	-7.8%	(1,103)	-	7.7
SAB	0.72	16.5%	3,286	19.8	3.1
DGW	0.68	16.6%	2,567	20.5	3.3

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-6.12	24.4%	4,029	17.2	4.3
HHS	-2.30	6.0%	791	8.6	0.5
VHM	-2.05	25.0%	9,468	4.3	1.0
VND	-1.81	7.8%	957	23.0	1.7
FTS	-1.44	14.4%	2,301	18.5	2.5

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFNVD	116.03	N/A	N/A	N/A	N/A
HPG	60.40	1.9%	322	86.9	1.6
FUESSVFL	23.49	N/A	N/A	N/A	N/A
HAH	18.11	16.3%	4,525	8.0	1.2
NHH	12.38	7.2%	1,302	15.3	1.1

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
OPC	-266.50	15.8%	2,096	11.0	1.7
VCB	-70.08	22.6%	6,013	14.0	3.0
STB	-39.12	17.5%	3,825	7.3	1.2
PNJ	-28.95	19.8%	5,505	14.6	2.8
MWG	-28.93	3.0%	476	89.3	2.7

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	28.15	22.6%	6,013	14.0	3.0
VHC	23.92	12.9%	5,654	13.5	1.7
BCM	19.56	2.5%	432	149.2	3.7
VJC	18.33	-14.0%	(3,851)	-	3.7
HDG	7.92	9.7%	2,194	12.9	1.2

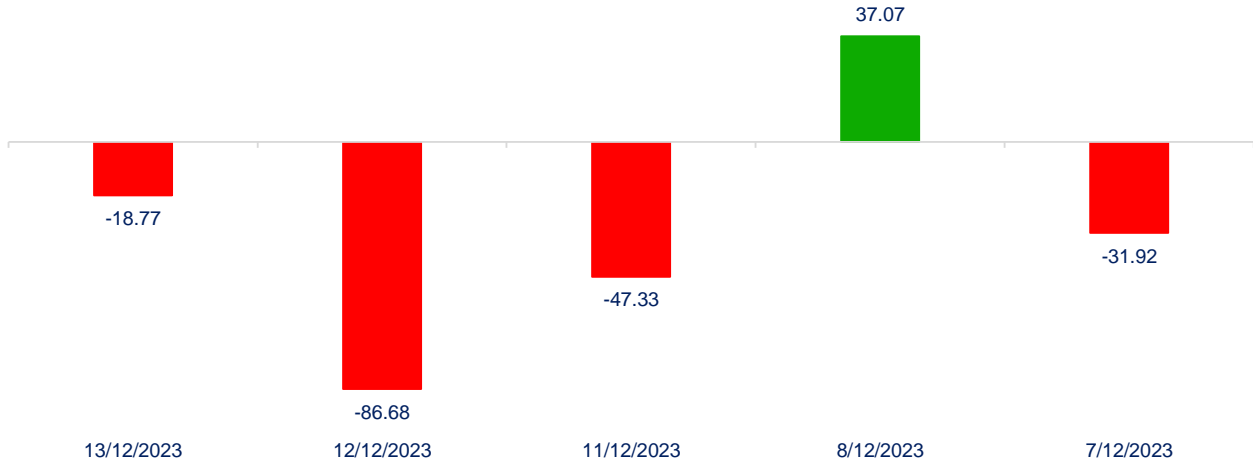
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-123.83	24.4%	4,029	17.2	4.3
FUEVFNVD	-114.38	N/A	N/A	N/A	N/A
STB	-81.19	17.5%	3,825	7.3	1.2
HPG	-64.92	1.9%	322	86.9	1.6
VPB	-45.20	9.7%	1,492	13.0	1.1

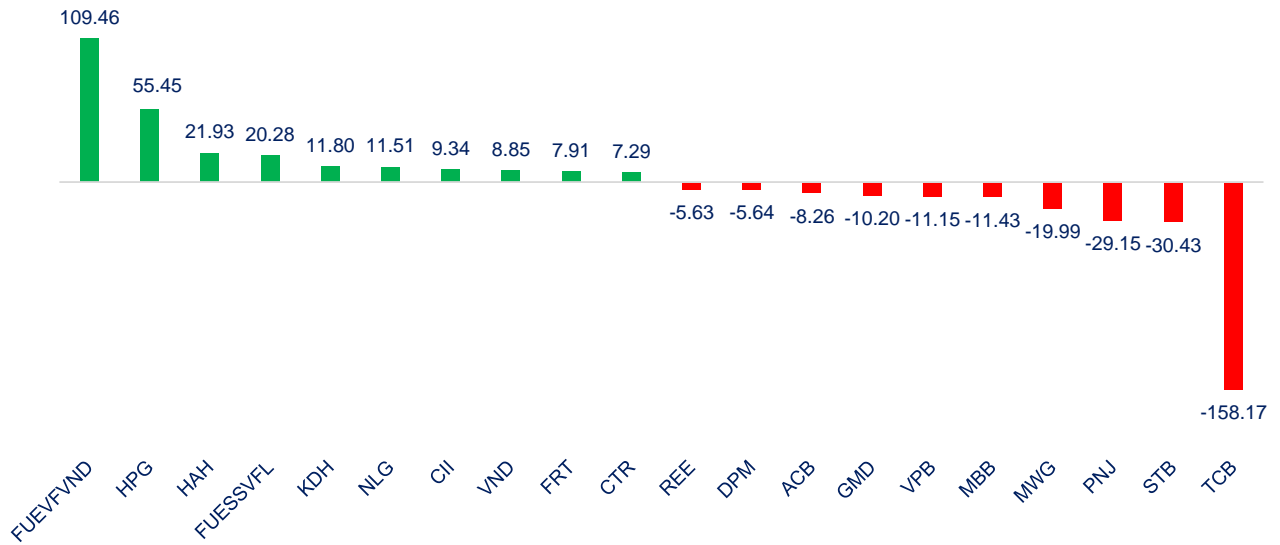


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

#### Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)